

Số: 267/2020/QĐST-HNGĐ

Quận 8, ngày 06 tháng 5 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ vào các Điều 29, 149, 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 199/2020/TLST-HNGĐ ngày 03/3/2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con và cấp dưỡng”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Bà Ngô Lê Hồng A, sinh năm 1977; Địa chỉ: Đường T, Phường B, Quận T, Thành phố H;
2. Ông Ngô Minh N, sinh năm 1976; Địa chỉ: Đường T, Phường B, Quận T, Thành phố H.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào nội dung Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự ngày 19 tháng 02 năm 2020, các yêu cầu của đương sự được ghi nhận như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông N và bà A yêu nhau và đã đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 69, Quyền số 01/2003, ngày 09/9/2003 tại Ủy ban nhân dân phường K, thị xã N, tỉnh N. Sau khi có 02 con chung tên Ngô Gia H, sinh ngày 14/6/2004 và tên Ngô Minh H, sinh ngày 29/7/2013, hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Đến tháng đầu năm 2017, vợ chồng không còn hạnh phúc. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Nghĩa và bà A đã nộp đơn yêu cầu thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con.

[2] Về con chung: Ông N và bà A có 02 (hai) con chung tên Ngô Gia H, sinh ngày 14/6/2004 và tên Ngô Minh H, sinh ngày 29/7/2013. Ông N đồng ý giao trẻ H và trẻ H cho bà A nuôi dưỡng hai con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết;

Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được qui định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền xin thay đổi việc nuôi con, đóng góp phí tổn nuôi con. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét;

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm: Số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, ông Nghĩa và bà A mỗi người chịu 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng, nhưng bà A tự nguyện chịu toàn bộ và được ông Nghĩa đồng ý, nên Tòa án ghi nhận thỏa thuận của các đương sự.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành và ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Các đương sự không có thay đổi ý kiến về các vấn đề được ghi nhận nêu trên, nên có cơ sở để Tòa án chấp nhận yêu cầu của đương sự.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Ông Ngô Minh N và bà Ngô Lê Hồng A thuận tình ly hôn (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 69, Quyền số 01/2003, ngày 09/9/2003 tại Ủy ban nhân dân phường K, thị xã N, tỉnh N).

- Về con chung: Giao 02 (hai) con chung tên Ngô Gia H, sinh ngày 14/6/2004 và tên Ngô Minh H, sinh ngày 29/7/2013 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết;

Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền xin thay đổi việc nuôi con, đóng góp phí tổn nuôi con. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, bà A tự nguyện chịu toàn bộ nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0012979, ngày 28/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Bà A đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Ủy ban nhân dân phường Nguyễn Khiêm, thị xã Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

### **THẨM PHÁN**

**Bùi Thành Trung**